

## Tập 76

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm mười chín:

*(Sớ) Hựu Quán Kinh Hạ Hạ Phẩm Ngũ Nghịch văn trung, vị kỳ nhân thập thanh xưng danh, tội đắc vãng sanh, tắc quán tướng vị thành, duy tư thập niệm, Ngũ Nghịch chi sanh, chánh xưng danh đắc sanh nhĩ.*

(疏)又觀經下下品五逆文中，謂其人十聲稱名，遂得往生，則觀想未成，唯資十念，五逆之生，正稱名得生耳。

*(Sớ: Lại nữa, trong kinh văn nói về Ngũ Nghịch trong phần Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh của Quán Kinh, có nói: “Người ấy xưng danh mười tiếng bèn được vãng sanh”, tức là quán tướng chưa thành, chỉ nhờ vào mười niệm, Ngũ Nghịch vãng sanh chính là do xưng danh mà được vãng sanh vậy).*

Đây là tháo gỡ [kiến chấp] do thấy kẻ tạo tội Ngũ Nghịch chẳng thể vãng sanh bèn hiểu lầm “trì danh niệm Phật là Tán Thiện, chẳng phải là Định Thiện”. Chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh đã ban cho người tu Tịnh Độ chúng ta một khái thị rất lớn, vì phương pháp được giảng trong Quán Kinh hoàn toàn là quán tướng, nhìn từ chương kinh này, ta có thể thấy: Hoàn toàn chưa quán tướng thành công, thậm chí có thể nói là kẻ ấy chẳng dùng đến công phu quán tướng, mà dùng công phu nào? Dùng công phu niệm Phật! Hơn nữa, thời gian niệm Phật không lâu. Lâm chung mười niệm bèn có thể vãng sanh. Do vậy, Trì Danh Niệm Phật và pháp môn được giảng trong Quán Kinh chẳng khác nhau. Cũng có thể nói: Lý luận của pháp môn Trì Danh Niệm Phật dựa trên Quán Kinh, ta cũng có thể nói theo cách ấy. Vì thế, ba kinh thật sự là một, một mà ba, ba nhưng một.

Thế nhưng tội Ngũ Nghịch, khi lâm chung nhất định phải có nhân duyên thù thắng. Chuyện khẩn yếu đầu tiên là khi lâm chung phải sáng suốt! Nếu lúc lâm chung hôn mê, điên đảo, thậm chí chẳng nhận biết người nhà, quyến thuộc, đó là chuyện phiền phức! Dầu có duyên gặp Phật pháp, cũng chẳng thể thành tựu! Mấy ai khi lâm chung sáng suốt, tỉnh táo? Hơn nữa, ai có thể bảo đảm chính mình lâm chung tỉnh táo, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo? Chuyện này nhất định chẳng thể cầu may. Do điều này,

chúng ta phải sốt sắng tu phước báo. Hết thấy thiện căn, phước đức đã tu đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, như vậy thì mới có thể bảo đảm khi lâm chung sáng suốt. Quý vị phải biết: Đòi người rất ngắn! Trong thời gian vô cùng ngắn ngủi này, chúng ta hãy nên chịu đựng, dầu có phước, chớ nên hưởng hết! Phước báo hưởng ba phần là đủ rồi, phần còn lại bố thí cho hết thấy chúng sanh, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề; đây mới là phương pháp chính xác duy nhất để cầu sanh Tịnh Độ.

Tạo tội Ngũ Nghịch mà khi lâm chung vẫn có duyên gặp Phật, người ấy đời này tạo tội nghiệp nhiều, nhưng đời trước chắc chắn thiện căn sâu dày. Vì sao thiện căn sâu dày mà đời này lại mê hoặc, điên đảo tạo tội nghiệp? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giảng chuyện này rất rõ ràng: Bồ Tát chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới còn bị mê khi cách âm, loại Bồ Tát nào vậy? Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Bỉ ư tiền thế trụ Bồ Tát đạo*” (Kể ấy trong đời trước đã trụ trong đạo Bồ Tát), là Bồ Tát thật sự, chẳng giả, “*vô số kiếp lai, cúng dường tứ bách ức Phật*” (từ vô số kiếp đến nay, đã cúng dường bốn trăm ức Phật). Cúng dường bốn trăm ức Phật mà còn bị mê khi cách âm, còn bị thoái chuyển, quý vị mới hiểu tánh chất nghiêm trọng của vấn đề này. Đời này người ấy mê mất, đã tạo tội Ngũ Nghịch, [đó là chuyện] rất có thể xảy ra! Nhưng thiện căn của người ấy hết sức sâu dày, đáng tiếc suốt đời chẳng gặp thiện tri thức; vì thế, chấp mê chẳng ngộ, khi lâm chung gặp thiện tri thức. Gặp thiện tri thức rồi, được thiện tri thức chỉ điểm bèn giác ngộ. Sau khi giác ngộ bèn thật sự chịu niệm Phật, lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, tuy niệm Phật ít, chỉ niệm Phật hiệu mười tiếng cũng có thể vãng sanh. Ông Trương Thiện Hòa trong Vãng Sanh Truyện là một thí dụ rõ ràng nhất. Ông ta là người đời Đường, khi lâm chung mới gặp Phật pháp, mười niệm vãng sanh.

Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, nhất quyết chớ nên giữ tâm lòng cầu may: “Lâm chung mười niệm vẫn có thể vãng sanh; hiện thời tạo tội nghiệp nhiều một chút cũng chẳng sao!” Nếu quý vị nghĩ như thế, lầm lẫn quá rồi! Quý vị đừng nghĩ chỉ riêng các đồng tu tại gia, mà nhiều pháp sư xuất gia cũng hồ đồ, mê muội khi lâm chung, đủ thấy đây chẳng phải là chuyện dễ dàng, lúc bình thường phải nỗ lực, phải tu phước, phải sốt sắng tu học, phải học theo những đại đức đã vãng sanh xưa nay, biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, tự tại lắm! Đây mới là tấm gương chân chánh cho chúng ta!

**(Sớ) Huống Đại Bồn vân: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, diệc sanh ngã sát trung”, đọa địa ngục giả, phi Ngũ Nghịch nhân nhi hà?**

(疏)況大本云：地獄鬼畜生，亦生我剎中，墮地獄者，非五逆人而何。

(Sớ: Huống chi kinh Đại Bản nói: “Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng sanh trong cõi ta”. Kẻ đọa địa ngục chẳng phải là kẻ Ngũ Nghịch thì là gì vậy?)

Theo kinh Vô Lượng Thọ, trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có nguyện này. Trong đại kinh lại đặc biệt nói rõ ràng: Chúng sanh trong ác đạo cũng có kẻ niệm Phật vãng sanh. Trong lời khai thị cho Phật Thát, lão pháp sư Đàm Hư có nói: Trước kia, lúc pháp sư Đế Nhàn làm Phương Trượng chùa Đầu Đà, trong chùa nuôi một con gà trống, con gà trống ấy vãng sanh. Chính mắt pháp sư Đế Nhàn thấy chuyện này. [Thuở ấy] trong chùa không có đồng hồ, sáng sớm gà gáy báo sáng, mọi người thức dậy tụng khóa sáng. Mọi người sáng tối lên chánh điện, con gà trống ấy cũng theo lên chánh điện tham dự khóa tụng niệm Phật. Khi tăng chúng thọ trai, nó cũng đến. Mọi người vớt cơm, lá rau xuống đất, nó ăn sạch. Có một lần, khóa tụng đã xong, mọi người đều trở về liêu phòng, con gà trống vẫn đi loanh quanh trong chánh điện chẳng rời đi, thầy Hương Đăng xua nó đi, bảo: “Khóa tụng xong rồi, tôi phải đóng cửa”. Con gà trống ấy chạy vào Phật điện, ngهنen cổ nhìn tượng Phật, kêu lên ba tiếng, đứng tại đó chết ngay. Con gà trống ấy biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Đọa lạc trong ác đạo, đương nhiên là chúng sanh tội nghiệp sâu nặng, nhưng linh tánh chẳng mê muội, gặp duyên niệm Phật vẫn có thể vãng sanh.

Cũng có người hỏi: “Đời trước đã tu tốt đẹp như thế, vì sao bị đọa trong ba ác đạo?” Vấn đề này chúng ta phải nên nghiên cứu căn kẽ. Đời sau phải đi vào nơi nào là do ý niệm cuối cùng lúc lâm chung quyết định. Quý vị suốt đời niệm Phật chuyên cần, nhưng ý niệm cuối cùng lúc lâm chung chẳng phải là niệm Phật, sẽ chẳng thể vãng sanh! Lúc lâm chung khởi một niệm tham tâm, bèn vào đường ngạ quỷ. Lâm chung khởi lên một niệm sân khuể tâm, đi vào đường địa ngục. Lâm chung mê hoặc, điên đảo, đi vào đường súc sanh. Đây là tam ác đạo! Một niệm cuối cùng lúc lâm chung là A Di Đà Phật, chắc chắn vãng sanh Tây Phương. Mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh, do một niệm lúc lâm chung quyết định!

Nhà Phật lại răn dạy chúng ta: Phải vô cùng thận trọng khi lâm chung, đó là đại sự, quan hệ đến hạnh phúc trong đời sau. Con người sau khi qua đời, trong vòng tám tiếng đồng hồ, chớ nên đụng chạm, vì sao? Sợ đụng chạm sẽ khiến người ấy khởi tâm sân khuể. Trước khi tắt hơi, tốt

nhất là trợ niệm, một mực niệm mãi cho đến khi [người ấy] đã tắt hơi tám tiếng đồng hồ, đó là tối thiểu! Hiệu quả niệm Phật ấy vô cùng to lớn. Trợ niệm nhằm nhắc nhở người ấy, mong một niệm của người ấy lúc lâm chung là chánh niệm, là A Di Đà Phật. Trong vòng tám tiếng đồng hồ, tuy người ấy đã tắt hơi, thần thức chưa rời khỏi thân. Vì thế, trong tám tiếng đồng hồ, nếu người ấy giác ngộ hồi đầu, cũng niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn còn có thể vãng sanh. Vì thế, trong vòng tám tiếng đồng hồ sau khi người ấy tắt hơi vô cùng quan trọng, nhất định chớ khiến cho người ấy sanh phiền não, đừng khiến người ấy khởi tham, sân, si. Sách Súc Chung Tân Lương có nói rõ: Tốt nhất là tách người nhà, thân quyến khỏi người chết, vì sao? Sợ người ấy trông thấy [người thân] sẽ khởi tâm tham: Bỏ người này chẳng được, kẻ nọ chưa thấy mặt [ta chưa thể trút hơi], phiền phức to lớn, chẳng sang Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Lúc bình thường phải thấy thấu suốt, buông xuống, sẽ có ích rất lớn đối với việc vãng sanh của chúng ta.

Trong ác đạo, nhất là trong địa ngục, đương nhiên là kẻ phạm tội Ngũ Nghịch; điều này chứng tỏ người phạm tội Ngũ Nghịch vẫn có thể vãng sanh.

***(Sớ) Chỉ thuộc hạ phẩm giả.***

***(疏) 止屬下品者。***

***(Sớ: Chỉ thuộc hạ phẩm là).***

“Chỉ thuộc hạ phẩm, danh Tán Thiện giả” (chỉ vãng sanh trong hạ phẩm nên gọi là Tán Thiện), có nghĩa là: Nếu người ấy là Chánh Định, nhất định sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không bao lâu sau sẽ chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Người ấy chỉ là hạ phẩm [vãng sanh], chưa đắc Chánh Định, cho nên là Tán Thiện.

***(Sớ) Hoặc vị Quán Kinh hạ chi tam phẩm.***

***(疏) 或謂觀經下之三品。***

***(Sớ: Hoặc có kẻ nói ba phẩm hạ trong Quán Kinh).***

Ba phẩm hạ là hạ hạ phẩm, hạ trung phẩm, hạ thượng phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

***(Sớ) Sơ ngôn trí giả giáo linh hợp chương xoa thủ, xưng Nam-mô A Di Đà Phật, tam ngôn thiện hữu giáo vãng: “Nhữ nhược bất năng***

**niệm bỉ Phật giả, ưng xưng danh hiệu”, tức trì danh vãng sanh, tự duy hạ phẩm.**

**(疏)初言智者教令合掌叉手，稱南無阿彌陀佛。三言善友教云：汝若不能念彼佛者，應稱名號，則持名往生，似唯下品。**

*(Sớ: Trước hết, kinh nói người có trí dạy kẻ ấy chấp tay xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật, kinh nói điều thứ ba là bạn lành dạy rằng: “Nếu ông chẳng thể niệm đức Phật ấy [bằng cách quán tưởng], hãy nên đọc danh hiệu của Ngài”, như vậy thì trì danh vãng sanh dường như chỉ là hạ phẩm).*

Nhìn theo Quán Kinh, nhìn từ bề ngoài, dường như là như thế này: Ba phẩm hạ của Quán Kinh dường như đều là trì danh. Nói chung, trì danh [bền vãng sanh] trong ba phẩm hạ. Nói thật ra, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng khá lắm! Kẻ ham cao chuộng xa sợ rằng chẳng thể vãng sanh, ngay cả hạ hạ phẩm vẫn không đủ tư cách, hỏng rồi! Có người nói: “Phương pháp [Trì Danh Niệm Phật] của quý vị là hạ hạ phẩm”, chúng ta chấp tay: “Đối với tôi, hạ hạ phẩm là đủ rồi, tôi rất hoan hỷ. Tôi chỉ cần có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thỏa mãn rồi. Ông có bản lãnh, ông cầu thượng thượng phẩm, tôi chúc mừng ông, còn tôi hạ hạ phẩm là đủ rồi!” Quý vị có thể chết sạch lòng so đo, kiên quyết như thế, chẳng nghi hoặc, chắc chắn thành tựu trong một đời này. Đại sư rất miệng buốt lòng giải thích cho chúng ta nhiều ngàn ấy, vì sợ những kẻ chẳng cam lòng vãng sanh trong hạ hạ phẩm sẽ chẳng niệm Phật, hành theo cách nào khác; đó mới gọi là lầm lẫn to lớn!

**(Sớ) Bất tri trì hữu Sự Lý, Lý phục thiện thâm.**

**(疏) 不知持有事理，理復淺深。**

*(Sớ: Chẳng biết trì danh có Sự và Lý, Lý lại có sâu và cạn).*

Đối với pháp trì danh này, kinh Di Đà nói “nhất tâm bất loạn”, có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì. Trong sách Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, niệm đến mức đoạn được Kiến Tư phiền não, đều gọi là Sự nhất tâm. Do đây có thể biết: Sự Trì và Lý Trì là phương pháp khác nhau, chứ hiệu quả giống nhau. Niệm đến mức phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, khi ấy sẽ gọi là Lý nhất tâm bất loạn.

Sự Trì là gì? Lý Trì là gì? Lý Trì là thật sự thông đạt Thật Tướng như Quán Kinh đã nói *“tâm này là Phật, tâm này làm Phật”*. Niệm một câu Phật hiệu tương ứng với Bát Nhã Không Huệ, cách niệm ấy gọi là Lý Trì. Lý Trì có thể đắc Lý nhất tâm hay không? Chưa chắc! Tuyệt đối chẳng phải là Sự Trì sẽ đắc Sự nhất tâm bất loạn, Lý Trì sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn, chớ nên hiểu lầm chỗ này! Nhất tâm bất loạn hoàn toàn phụ thuộc công phu trì danh sâu hay cạn. Nếu niệm câu Phật hiệu đến mức tương ứng với Không Huệ thì có khi người ấy vẫn chưa đắc nhất tâm! Nếu chính mình còn có thị phi, nhân ngã, vẫn còn có tham, sân, si, mạn, còn có phân biệt, chấp trước, thì chưa đắc nhất tâm! Không chỉ là chưa đắc nhất tâm, mà ngay cả công phu thành phiền cũng chưa đạt được. Nói cách khác, niệm Phật như thế không có cách nào vãng sanh được! Muốn thật sự vãng sanh, mức độ thấp nhất là phải niệm đến mức công phu thành phiền.

Thị phi, nhân ngã, phân biệt, chấp trước, tham, sân, si, mạn thật sự chẳng đoạn, tuy chưa đoạn mà câu Phật hiệu này khởi tác dụng, có thể đè nén phiền não, vọng tưởng vừa khởi lên ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, trong mười hai thời chỉ có Phật hiệu, đó gọi là công phu thành phiền. Một mặt niệm Phật, một mặt vẫn khởi vọng tưởng thì không được, đó là điều đáng kiêng dè rất lớn. *“Rách toạc cổ họng cũng uống công”*. Khi quý vị lớn tiếng niệm Phật thì chỉ niệm trong họng, trong tâm khởi vọng tưởng, không được rồi! Nhất định phải niệm đến mức Phật hiệu có thể chế phục vọng tưởng; đó gọi là công phu thành phiền. Khi quý vị chẳng niệm Phật hiệu, vọng tưởng lại khởi lên; khi niệm Phật, Phật hiệu có thể chế ngự vọng tưởng, như thế mới là hữu dụng, công phu mới đắc lực. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, phải niệm đến mức như thế ấy, công phu mới đắc lực!

Trong lúc bình thường, chúng ta từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, thực hiện công phu niệm Phật nơi đâu? Thực hiện từ khởi tâm động niệm. Ý niệm vừa khởi lên, bất luận là thiện hay ác, bất luận là chánh hay tà, nhất loạt đổi nó thành A Di Đà Phật. Nói cách khác, chẳng khởi tâm động niệm thì thôi, hễ khởi tâm động niệm bèn là A Di Đà Phật. Người thật sự niệm Phật tâm suy nghĩ, ý nghĩ tưởng chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, hết thấy đều chẳng nắm níu, hết thấy đều buông xuống. Quý vị có thể thật sự làm như vậy, tôi đa trong thời gian ba năm công phu sẽ thành thực, nắm chắc Tây Phương Tịnh Độ. Cũng có nghĩa là: Trong ba năm, chắc chắn có thể đạt tới công phu thành phiền. Công phu thành phiền cũng có ba bậc chín phẩm; ba phẩm thượng của công phu thành phiền (thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm) biết trước lúc mất,

sanh tử tự tại, nhưng chưa đạt đến nhất tâm bất loạn. Tôi thấy không ít người biết trước lúc mất, không bệnh tật mà vãng sanh, cảnh giới của những người ấy đều là công phu thành phỉen thượng phẩm, họ chưa đắc nhất tâm, nhưng có thể sanh tử tự tại; đây là đại sự thật sự.

Kinh này thật sự khó có, vì đây là pháp môn duy nhất để mười phương chư Phật độ hết chúng sanh thành Phật trong một đời, đơn giản, thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng, lạ lùng, chúng ta chẳng dễ gì gặp được! Nhất là trong xã hội hiện đại, thiên hạ đại loạn, chúng ta tu pháp môn gì cũng đều có cảm giác chẳng kịp. Pháp môn này đòi hỏi quý vị phải thật sự dứt sạch so đo, kháng kháng tu học; nếu quý vị chẳng hiểu rõ pháp môn này, sẽ chẳng dễ gì tu tập! Thời gian của chúng ta có hạn, phải nghiên cứu kỹ càng pháp môn này. Tham khảo đối chiếu kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà, sẽ dễ dàng hiểu rõ Tây Phương Tịnh Độ, thật sự có thể giúp cho quý vị đoạn nghi, sanh tín, chết sạch so đo, kháng kháng tu tập pháp môn này. Tôi nghĩ chẳng cần đến mấy năm, trong các đồng tu của chúng ta, nhất định sẽ có rất nhiều người thành tựu chẳng thể nghĩ bàn!

Ở đây, đại sư bảo trì danh có Sự và Lý, Lý có sâu và cạn, Sự cũng có sâu và cạn.

**(Sớ) Kim hạ sanh giả.**

**(疏) 今下生者。**

**(Sớ: Nay kẻ vãng sanh trong hạ phẩm).**

Đây là nói về kẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh.

**(Sớ) Cẩn thị Sự thiện.**

**(疏) 僅是事善。**

**(Sớ: Chỉ là thiện về mặt Sự).**

Tức là nói về thập niệm vãng sanh.

**(Sớ) Nhược thành Lý Quán, tắc dĩ bỉ kinh Tam Quán Viên Tu, minh khế bất nhị, hà lự phẩm vị chi bất cao dã.**

**(疏) 若成理觀，則與彼經三觀圓修，冥契不二，何慮品位之不高也。**

**(Sớ: Nếu thành tựu Lý Quán, sẽ ngầm khế hợp với việc tu trọn vẹn ba phép Quán trong kinh kia, lo chi phẩm vị chẳng cao?)**

Đây là giải đáp câu hỏi của những kẻ ấy: Quý vị nghĩ trì danh niệm Phật phẩm vị chẳng cao thì quý vị học Lý Trì. Lý Trì là hiểu rõ Lý, quả thật có thể giúp cho phẩm vị của quý vị cao hơn. Sự Trì mà thật sự thật thà niệm Phật, phẩm vị cũng cao như thế.

**(Sớ) Huống hạ phẩm văn trung, nãi chỉ ác nhân, ngu nhân, phi vị thiện nhân, trí nhân trì danh, diệc cư hạ phẩm dã. Cố tri nhị kinh, kỳ nghĩa nhất dã.**

**(疏) 況下品文中，乃指惡人愚人，非謂善人智人持名，亦居下品也。故知二經，其義一也。**

*(Sớ: Huống chi trong phần kinh văn nói về hạ phẩm là nói về kẻ ác, kẻ ngu, chứ không nói người lành, người trí trì danh cũng thuộc vào hạ phẩm. Cho nên biết hai kinh có cùng một ý nghĩa).*

Quán Kinh và kinh này có ý nghĩa giống nhau, Quán Kinh nói hạ phẩm hạ sanh là nói về kẻ Ngũ Nghịch hay kẻ tạo ác trì danh niệm Phật. Tuy chúng ta tạo ác, vẫn chưa đến mức Ngũ Nghịch, Thập Ác, chính mình thật sự hạ quyết tâm trì danh niệm Phật, tôi tin tưởng chắc chắn chẳng thuộc trong ba phẩm Hạ. Đây là điều chúng ta chắc chắn có thể làm được.

**(Sớ) Độc yếu giả, lược hữu tam ý.**

**(疏) 獨要者，略有三意。**

*(Sớ: “Trọng yếu đặc biệt nhất”: Nói đại lược thì có ba ý).*

“Độc yếu” là trong ba kinh Tịnh Độ, bộ kinh này trọng yếu nhất. Cổ đại đức xếp kinh Di Đà vào khóa tụng sáng tối, ngay cả khóa tối của Thiền Tông cũng chẳng ra ngoài lệ này. Người niệm Phật, người quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ, chẳng những khóa tối niệm kinh Di Đà mà khóa sáng cũng niệm kinh Di Đà. Chú Lăng Nghiêm, thập tiểu chú, Tâm Kinh có thể chẳng cần thêm vào, cứ một biến kinh Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, tiếp theo đó là niệm Phật hiệu, đây chính là phương pháp được dạy bởi Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát trong Tây Phương Xác Chỉ, đơn giản, dễ hiểu, phải làm như thế!

**(Sớ) Nhất giả, Quán Kinh sở minh Phật thân, tuy vân tức Báo, tức Pháp.**

**(疏) 一者，觀經所明佛身，雖云即報即法。**



(Sớ: Một, Quán Kinh nói đến thân Phật, tuy nói “Bảo Thân chính là Pháp Thân, Pháp Thân chính là Bảo Thân”).

“Bảo” là Bảo Thân, “Pháp” là Pháp Thân, ba thân Phật là một Thể.

**(Sớ) Nhi na-do, Hằng sa, bất vô số kể, sanh thân tôn đặc, do đãi biện nghi.**

(疏) 而那由恆沙，不無數計，生身尊特，猶待辯疑。

(Sớ: Nhưng [do trong Quán Kinh có những từ ngữ như] na-do-tha, Hằng hà sa, tức là [những thân ấy] không phải là chẳng có số lượng tính đếm, sự tôn quý đặc biệt của sanh thân (Hóa Thân) hãy đợi đến phần Biện Nghi (biện định sự nghi hoặc) [trong phần sau, sẽ lại bàn tiếp]).

Đây là những điều được nói trong Quán Kinh.

**(Sớ) Thử kinh dẫn viết quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, tắc bất thuộc chư số, trực chỉ Pháp Thân, độc yếu nhất dã.**

(疏) 此經但曰光明無量，壽命無量，則不屬諸數，直指法身，獨要一也。

(Sớ: Kinh này chỉ nói quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng, tức là không thuộc vào những con số, mà trực tiếp nói đến Pháp Thân, đây là điểm trọng yếu độc đáo thứ nhất).

So sánh hai bộ kinh thì kinh Di Đà trọng yếu hơn Quán Kinh. Điều thứ nhất là thân Phật trọn chẳng thuộc vào số lượng. Nói cách khác, vượt ngoài số lượng! Nay chúng ta là phàm phu bèn vướng trong số lượng, cho nên quý vị có vận mạng, Phong Thủy để có thể tính đoán. Phật và các đại Bồ Tát đã vượt ngoài số lượng, chẳng thuộc trong số lượng. Quán Kinh nói “na-do-tha, Hằng hà sa số” thì [những thân ấy] vẫn thuộc trong số lượng; kinh Di Đà không có những con số ấy, chỉ nói “vô lượng quang, vô lượng thọ”. Nói “vô lượng” tức là không thuộc vào số lượng. Đó là điểm thứ nhất.

“Sanh thân tôn đặc, do đãi biện nghi”: Cái thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha [như Quán Kinh đã nói] chính là Sanh Thân, chỉ rõ thân tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cao lớn. Bài Kệ Tán Phật có câu: “Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mực trừng thanh từ đại hải” cũng là [nói đến] thân to lớn. Những thân ấy thù thắng, to lớn,

vượt xa Ứng Liệt Thân thị hiện trong uế độ. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên quả địa cầu này, thân Ngài cũng chỉ cao một trượng sáu thước. Hiện thời chúng ta thấy người một trượng sáu thước cao lớn lắm! Thật ra, tuy Phật là một người cao lớn, nhưng không cao hơn người bình thường nhiều lắm. Vì sao? Thước thời ấy không dài như thước hiện thời. Trong bộ Luật Học Tam Thập Tam Chương, Hoàng Nhất đại sư đã nói về thước đời Châu: [Kinh điển nhà Phật dịch ra tiếng Hán, dùng đơn vị đo lường theo] thước đời Châu vì đức Phật giáng sanh nhằm thời Châu của Trung Quốc. Một thước trong phép đo của nhà Châu chỉ hơn sáu tấc hiện thời. Ở đây, nói rõ thân tướng của A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc to lớn, chẳng giống với thân tướng do Phật đã thị hiện trong thế giới này. Cổ đại đức đã lập ra một đoạn nghi vấn đề chuyên môn biện định vấn đề này, ở đây, chúng ta không thảo luận thâm nhập vấn đề ấy.

**(Sớ) Nhị giả, thập lục diệu môn, tuy vân tức quán tức tâm.**

**(疏) 二者，十六妙門，雖云即觀即心。**

*(Sớ: Hai là mười sáu môn quán mẫu nhiệm, tuy nói “quán chính là tâm, tâm chính là quán”).*

Năng quán (cái tâm quán) và sở quán (cảnh được quán) là một, không hai, như vậy thì mới có thể tiến nhập, nhưng vẫn là có thứ tự.

**(Sớ) Nhi tiên nhật, thứ thủy, thứ địa, thứ thụ, thứ tòa, phương nhập Phật quán, tắc bất vô thứ đệ, do giác phồn trường.**

**(疏) 而先日，次水，次地，次樹，次座，方入佛觀，則不無次第，猶覺繁長。**

*(Sớ: Trước hết quán mặt trời, kế đó là quán nước, rồi quán đất, rồi quán cây, rồi quán tòa sen, rồi mới quán thân Phật, cho nên chẳng phải là không có thứ tự, vẫn còn cảm thấy rắc rối, tốn nhiều thời gian).*

“Phồn” (繁) là rắc rối, quá phức tạp. “Trường” (長) là phải trải qua một thời gian khá dài thì mới có thể quán thấy Phật.

**(Sớ) Thử kinh bất tu dư nghiệp, đơn sự trì danh.**

**(疏) 此經不修餘業，單事持名。**

*(Sớ: Kinh này chẳng tu các hạnh nghiệp khác, chỉ chú trọng trì danh).*

So sánh về mặt tu hành thì kinh Di Đà thuận tiện hơn Quán Kinh. Hành nhân chẳng cần phải trải qua nhiều giai đoạn, mà thẳng thừng, thỏa đáng thấy Phật! Chỉ cần quý vị nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, khi lâm chung Phật liền đến tiếp dẫn quý vị. Chương Đại Thế Chí Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Hiện tiền là hiện tại, trước khi vãng sanh đã thấy. Trông thấy, quý vị chẳng hoan hỷ; chẳng trông thấy, quý vị cũng chẳng lo lắng. Dầu trông thấy thì thấy mà như chẳng thấy, quý vị cũng đừng nên sanh lòng hoan hỷ. Sanh lòng hoan hỷ là trật rồi! Từ đầu đến cuối gìn giữ nhất tâm bất loạn, như vậy mới là tốt đẹp. Do vậy, trì danh niệm Phật chẳng có thứ lớp, còn phương pháp được giảng trong Quán Kinh có thứ lớp. Xét trên phương pháp để nói, kinh này thuận tiện rất nhiều; vì thế, kinh này được gọi là “*độc yếu*” (độc đáo, trọng yếu), đặc biệt trọng yếu.

***(Sớ) Tam giả, thượng tam phẩm sanh, nãi năng du lịch thập phương, thừa sự chư Phật, trung hạ nhị phẩm, giai vô thử văn.***

**(疏)三者，上三品生，乃能遊歷十方，承事諸佛，中下二品，皆無此文。**

*(Sớ: Ba là [theo Quán Kinh], vãng sanh trong ba phẩm thượng mới có thể dạo khắp mười phương, hầu hạ chư Phật, đối với hai phẩm trung và hạ, kinh văn không nói đến điều này).*

Ba kinh Tịnh Độ có kinh nói chuyện này rất cặn kẽ, có kinh nói tỉnh lược. Quý vị muốn liễu giải Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải gộp ba kinh lại để xem thì mới có thể thật sự hiểu rõ chuyện này, trọn chớ nên vì kinh này có nói, kinh kia không nói [mà lầm tưởng] kinh này cao minh, kinh kia kém hơn một chút, tuyệt đối chẳng phải là như vậy! Quý vị gộp lại để xem, mới thấy được trọn vẹn. Đối với chuyện này, Quán Kinh nói có đôi chút thiếu sót, chỉ nói ba phẩm thượng, chẳng nói tới phẩm trung và phẩm hạ, tức là nói: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có năng lực “*dạo khắp mười phương, thừa sự chư Phật*”; nhưng kinh Tiểu Bồn nói rất cặn kẽ.

***(Sớ) Kim trì danh vãng sanh, tiện đắc cúng Phật chư phương, thực thời hoàn quốc, độc yếu tam dã.***

(疏)今持名往生，便得供佛諸方，食時還國，獨要三也。

(Sớ: Nay trì danh vãng sanh liền được cúng dường Phật các phương, đến giờ ăn trở về cõi mình, đó là điều đặc biệt trọng yếu thứ ba).

Đây là điều được nói trong kinh Di Đà, đầu là kẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng có thần thông đạo lực này, mỗi ngày đều có thể cúng dường trọn khắp mười vạn ức Phật trong các phương khác. Vì thế, kinh này là kinh trọng yếu nhất trong ba kinh.

(Sớ) Văn thuyết nhất nghĩa, thượng khứng sanh nghi, cánh văn độc yếu, tất trí thâm hĩ, cố vân “nan tín chi pháp”, hựu vân “bất khả tư nghi công đức kinh” dã.

(疏)聞說一義，尚恐生疑，更聞獨要，必致深駭，故云難信之法，又云不可思議功德經也。

(Sớ: Nghe nói một nghĩa, còn sợ sanh lòng nghi, huống chi nghe tới những điều độc yếu, ắt càng đến nỗi kinh hĩ sâu xa. Vì thế, nói là “pháp khó tin”, lại nói là “kinh có công đức chẳng thể nghĩ bàn vậy”).

Đúng là khiến cho người nghe kinh hĩ; vì thế, hai vị đại sư Liên Trì và Ngẫu Ích đều nói kinh này là kinh chẳng thể nghĩ bàn! Trong tất cả các kinh điển, chẳng có cách nói như thế này, trong mười phương cõi nước, cũng chẳng có tình hình này. Chuyện thù thắng lạ lùng, đặc biệt như thế này chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có, vấn đề là quý vị có tin hay không! Nếu quý vị không tin, trong đời này, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Nếu quý vị tin tưởng tức là quý vị có phước phận, thành tựu trong một đời này, mau chót là ở chỗ này!

Tôi nhớ lúc mới đến Đài Trung, thầy Lý đem pháp môn này khuyên tôi tu học. Cụ nói như thế nào? Cụ nói: “Phải tin tưởng! Từ xưa đến nay, bao nhiêu người thông minh trí huệ đều tu pháp môn này. Nếu bị lừa thì những người ấy đều bị lừa, chúng ta bị lừa một lần cũng không sao!” Cụ dùng phương pháp này để khuyên tôi, dù bị lừa, chúng ta cũng tình nguyện cam tâm mắc lừa. Giữ chắc chủ ý, hạ quyết tâm chuyên tu pháp môn này. Nếu từ xưa đến nay, những người đó đều chẳng uổng công, chắc chắn chúng ta cũng chẳng uổng công trong một đời này, khuyên chúng ta phải chuyên tu, tạm thời gác những pháp môn khác qua một bên. “Pháp môn vô lượng thế nguyện học” tới khi nào sẽ học? Đến Tây Phương Cực Lạc

thế giới rồi hãy học. Vì thế, nay tôi chẳng cần Đại Tạng Kinh nữa, tôi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới cần. Nếu cần bây giờ, tôi chẳng đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hiện thời, chỉ cần giữ chắc kinh Di Đà là được rồi, dùng cái vấn nạn ấy để cầu sanh về thế giới Tây Phương.

Đến thế giới Tây Phương lại tu vô lượng vô biên pháp môn, thọ mạng lâu dài mà! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng giống như A Di Đà Phật, Phật thọ vô lượng, người Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thọ vô lượng. Tướng hảo, quang minh, hoàn cảnh sinh sống, thấy đều giống hết. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều giống hết nhau, thật sự bình đẳng! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, diện mạo giống hết như Phật, quý vị nghe xong đừng hoảng sợ: Đều giống hết như nhau thì Trương Tam hay Lý Tứ ta chẳng nhận biết! Khi ấy, quý vị tự nhiên có thần thông, tự nhiên chẳng làm người. Do vậy, diện mạo quyết định giống hết nhau, đó mới là bình đẳng. Trong thế gian này, diện mạo mỗi người khác nhau, chẳng bình đẳng! Do vậy, pháp môn này là pháp khó tin. Tựa đề của kinh là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, tựa đề kinh đã bảo rõ ràng với chúng ta: Công đức chẳng thể nghĩ bàn! Phần so sánh [kinh Di Đà] với Quán Kinh đến đây là xong!

***Nhị, chư kinh.***

**二、諸經。**

*(Hai, các kinh khác).*

Tiếp theo là nói đến các kinh; ngoài ba kinh Tịnh Độ ra, còn có không ít các kinh có ý nghĩa thông với kinh này, đại khái là hơn một trăm bộ trong Đại Tạng Kinh. Có hơn một trăm bộ kinh luận, trong ấy, đức Phật khuyên chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, ở đây chỉ nêu đại lược vài thứ. Xin xem kinh văn.

***(Huyền Nghĩa) Phục minh thông chư kinh giả.***

**(玄義) 復明通諸經者。**

*(Huyền Nghĩa: Lại giảng rõ các kinh có ý nghĩa tương thông [với kinh này]).*

“Phục” là lại nói, [tức là] lại nói về các kinh luận khác [có ý nghĩa] thông với kinh này.

**(Huyền Nghĩa) Dữ chư Đại Thừa kinh ý nghĩa tương thông, như Tịnh Danh, Pháp Hoa đẳng, bàng thông như thị, nãi tri thử kinh, nghĩa lý sở cai, thâm thúy quảng viễn, bất ưng thị đồng thiểu cận, tự thủ khiên vuu.**

(玄義)與諸大乘經意義相通，如淨名法華等，旁通如是，乃知此經，義理所該，深邃廣遠，不應視同淺近，自取愆尤。

**(Huyền Nghĩa: Có ý nghĩa tương thông với các kinh Đại Thừa như Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v... Do ý nghĩa tương thông như thế, bên biết kinh này nghĩa lý bao trùm, sâu sắc, xa rộng, đừng nghĩ kinh này giống như những kinh nông cận để tự chuốc lấy tội khiên).**

Ở đây nêu đại lược hai thứ.

**(Sớ) Tịnh Danh Pháp Hoa đẳng giả, thử nhất tâm trì danh đắc sanh bỉ quốc, tức “tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh”, thị Tịnh Danh nghĩa.**

(疏)淨名法華等者，此一心持名得生彼國，即隨其心淨則佛土淨，是淨名義。

**(Sớ: “Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v...”: Kinh này nói nhất tâm trì danh sẽ được sanh về cõi kia. Đây chính là ý nghĩa “hề tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh” trong kinh Tịnh Danh).**

Tịnh Danh là kinh Duy Ma, đó cũng là kinh chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Duy Ma nói “tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh” (hề tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh); kinh Di Đà nói nhất tâm bất loạn chính là tâm tịnh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Phật tịnh; [do vậy] ý nghĩa thông với kinh Tịnh Danh. Kinh Duy Ma có nói mấy câu đáng để chúng ta tham khảo, mà cũng ban cho chúng ta một khơi gợi, phát khởi rất lớn: Người tu Tịnh Độ phải đặc biệt chú ý tâm tịnh. Tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Tâm tịnh, ắt cõi Phật sẽ tịnh.

Tâm thanh tịnh là gì? Trong tâm có phiền não bèn chẳng thanh tịnh. “Phiền não” chỉ thất tình, ngũ dục, tham, sân, si, mạn, có thị phi, nhân ngã, có phân biệt, chấp trước là chẳng thanh tịnh! Tâm thanh tịnh khó lắm! Tuy khó, chẳng thể không tu! Dầu cho thời gian giữ được thanh tịnh không dài, nhưng hằng ngày quý vị phải đạt thanh tịnh trong một thời gian ngắn. Cái tâm niệm Phật là tâm thanh tịnh. Trong tâm quý vị chỉ có một câu A

Di Đà Phật, đó là tâm thanh tịnh. Một câu Phật hiệu tương ứng với đại nguyện lực của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Quý vị phải nhớ: Tâm niệm Phật là tâm thanh tịnh. Khi niệm Phật khởi vọng tưởng, tâm chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật để tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Do vậy, người niệm Phật phải thấy thấu suốt và buông xuống thân tâm, thế giới, bớt một phần tham luyến, bớt một phần chấp trước, sẽ nắm vững vãng sanh thêm một phần. Điều này rất quan trọng.

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm trì danh, tức dĩ thâm tâm niệm Phật, nãi chí độc nhập tha gia, nhất tâm niệm Phật, khát thực vô lữ, nhất tâm niệm Phật, nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo, thị Pháp Hoa nghĩa, đẳng giả.***

(疏)又此一心持名，即以深心念佛，乃至獨入他家，一心念佛，乞食無侶，一心念佛，一稱南無佛，皆已成佛道，是法華義。等者。

*(Sớ: Lại nữa, nhất tâm xưng danh trong kinh này chính là dùng thâm tâm để niệm Phật, điều này giống như những nghĩa “cho đến một mình vào nhà người khác bèn nhất tâm niệm Phật, khi khát thực không có đồng bạn bèn nhất tâm niệm Phật, xưng Nam-mô Phật một tiếng đều đã thành Phật đạo” trong kinh Pháp Hoa).*

“Thâm tâm” được sanh bởi Lý rất sâu, nó cũng do thiện căn sâu dày sanh ra nên gọi là “thâm tâm”. Kinh Thập Địa nói: “*Nhập thâm quảng tâm*” (nhập cái tâm sâu rộng), kinh Niết Bàn nói: “*Căn thâm nan bạt*” (rễ sâu khó nhổ), đều nhằm hình dung thâm tâm. Thâm tâm là một trong các tâm Bồ Đề, thuộc về Tự Thụ Dụng tâm. Nhất tâm trì danh là thâm tâm niệm Phật, trì danh là niệm Phật, nhất tâm là thâm tâm. Đủ thấy rằng: Nếu quý vị nhị tâm, tam tâm, sẽ chẳng phải là thâm tâm!

Bồ Đề tâm lấy trực tâm làm Thể. Quán Kinh gọi trực tâm là chí thành tâm. Tâm này chí thành đến cùng cực. Chí thành là bản thể của Bồ Đề tâm. Có Thể, đương nhiên có tác dụng, tác dụng chia thành hai phương diện: Một là đối với chính mình, hai là đối với chúng sanh. Để chính mình thụ dụng là nhất tâm, nhất tâm là thâm tâm. Do vậy, chúng ta niệm Phật phải là nhất tâm xưng danh. Nói “nhất tâm” một cách đơn giản thì là chẳng xen tạp, [nhất tâm niệm Phật là] niệm một câu A Di Đà Phật chẳng xen tạp. Đó là nhất tâm. Ta niệm một câu Phật hiệu này, ta nghĩ đến chuyện

khác, xen tạp rồi! Đó chẳng phải là nhất tâm. Chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng hoài nghi, đó là nhất tâm xung niệm, vô lượng vô biên công đức. Vì thế, nhất tâm trì danh là phát Bồ Đề tâm. Đối đãi người khác phải bằng tâm đại bi, tâm đại bi rốt ráo viên mãn là gì? Thừa quý vị, khuyên người khác niệm A Di Đà Phật là tâm đại bi rốt ráo viên mãn; vì quý vị khuyên người ta học pháp môn khác, chưa chắc người ta đã có thể thành tựu trong một đời này. Quý vị khuyên người ta niệm Phật, người ta trong một đời sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Pháp môn này chính là Phật pháp để *“tức thân thành Phật”*, thành tựu ngay trong đời này. Vì thế, khuyên người khác niệm Phật chính là lòng đại bi thật sự, là bi tâm triệt để của chư Phật Như Lai.

Quý vị giảng kinh, giảng kinh này là tâm bi triệt để, chẳng giống như giảng những kinh khác cho người ta. Tuy kinh Hoa Nghiêm cũng là bi tâm triệt để, nhưng dài quá, ai có thời gian đến nghe lâu như vậy? Đến [nghe giảng] không xuể! Từ cổ đến nay, theo cách nhìn của tổ sư đại đức, kinh Vô Lượng Thọ là kinh Hoa Nghiêm cô đọng, là tiểu bản của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ. Hai bộ kinh này có tánh chất tương đồng, mục tiêu nhất trí, đều khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, lúc nào, chỗ nào Tổ cũng đều nhắc tới kinh Hoa Nghiêm, dùng kinh Hoa Nghiêm để chứng minh pháp môn này là quan trọng nhất trong hết thảy các pháp môn, độc yếu mà!

*“Độc nhập tha gia, nhất tâm niệm Phật, khát thực vô lữ, nhất tâm niệm Phật, nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo”*, đó là những điều được nói trong kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa giảng diệu lý Thật Tướng, sánh ví đạo lý Thật Tướng vì diệu như hoa sen. Tựa đề kinh dùng Pháp và Diệu (thí dụ) để đặt tên, danh và thực cùng phô bày, nên gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Trước kia, tôi đã giảng bộ kinh này, giảng đề kinh cũng tốn không ít thời gian. Giảng mười môn huyền diệu trong Bốn và Tích cũng hết sức thú vị.

***(Sớ) Lược cử dư kinh như Văn Thù sở vân Nhất Hạnh tam-muội, Đại Phẩm sở vân “nhược nhân tán tâm niệm Phật, nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận” thị Bát Nhã nghĩa.***

(疏)略舉餘經，如文殊所云：一行三昧。大品所云：若人散心念佛，乃至畢苦，其福不盡，是般若義。



*(Sớ: Nêu đại lược các kinh khác thì như Nhất Hạnh tam-muội được nói trong kinh Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật<sup>1</sup>, kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói “nếu ai tán tâm niệm Phật thì cho đến khi hết khổ, phước ấy vẫn chưa hết”, đó là những nghĩa lý Bát Nhã).*

Bát Nhã (Prajñā) dịch sang nghĩa tiếng Hán là trí huệ. Theo thứ tự giảng kinh của đức Thế Tôn, sau khi giảng Phương Đẳng bèn giảng Bát Nhã. Pháp môn Niệm Phật, tín nguyện trì danh là Nhất Hạnh tam-muội, cũng là Nhất Tướng tam-muội. Vì thế, giáo nghĩa hoàn toàn chẳng mâu thuẫn với kinh Bát Nhã. “Đại Phẩm” chính là kinh Đại Phẩm Bát Nhã<sup>2</sup>. Nói “*nhược nhân tán tâm niệm Phật*” nhằm phân biệt chẳng phải nhất tâm, nói rõ người niệm Phật phước báo to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Muốn tu phước phải tu bằng cách nào? Niệm Phật là được! Người chịu niệm Phật có phước. Đây là nói về tán tâm niệm Phật. “*Nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận*” (cho đến khi hết khổ, phước ấy chẳng tận), “*tất*” (畢) có nghĩa là kết thúc, khổ là quả báo, quả báo đã hết rồi. Quả báo đã hết sạch thì là ai vậy? Tiểu Thừa nói đó là A La Hán, A La Hán là khổ nhân lần khổ quả đều xong, tốt nghiệp rồi. Tốt nghiệp là đã xong xuôi; còn trong Đại Thừa thì là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, đoạn hết Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não, Phần Đoạn sanh tử lần Biến Dịch sanh tử đều đoạn sạch, phước báo bất tận! Phước báo quá lớn! Đó là tán tâm niệm Phật, nhất tâm niệm Phật càng chẳng cần phải nói nữa. Nhất tâm niệm Phật thì người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Điều này chứng tỏ phước báo niệm Phật to lớn chẳng thể nghĩ bàn!

---

<sup>1</sup> Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh có hai bản dịch: Bản thứ nhất của ngài Mạn Đà La Tiên, bản thứ hai của ngài Tăng Già Sa La dịch. Kinh này tương ứng với hội thứ bảy trong bộ Đại Bát Nhã Kinh do ngài Huyền Trang dịch và bản Thánh Bát Nhã Ba La Mật Đa Thất Bách Tụng Đại Thừa Kinh trong Đại Tạng Kinh của Tây Tạng.

<sup>2</sup> Đại Phẩm Bát Nhã Kinh còn gọi là Nhị Vạn Ngũ Thiên Tụng Bát Nhã, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Ma Ha Bát Nhã Kinh hay Đại Phẩm Kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoằng Thi thứ năm (403), gồm hai mươi bảy quyển. Những bản dịch tiếng Hán khác của kinh này là Quang Tán Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, Phóng Quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Vô La Xoa dịch vào đời Tây Tấn. Kinh này tương ứng với hội thứ hai trong bộ Đại Bát Nhã sáu trăm cuốn của ngài Huyền Trang. Kinh này được chú giải đặc biệt nhiều, nổi tiếng nhất là Đại Trí Độ Luận của ngài Long Thọ, Đại Phẩm Kinh Nghĩa Sớ của ngài Cát Tạng, và Đại Phẩm Kinh Du Ý (không ghi tên tác giả).

**(Sớ) Như kinh tam thất nhật, khể thủ thập phương chư Phật danh tự, thị Viên Giác nghĩa.**

**(疏) 如經三七日，稽首十方諸佛名字，是圓覺義。**

*(Sớ: Như trải qua hai mươi một ngày đảnh lễ danh hiệu của mười phương chư Phật là nghĩa lý trong kinh Viên Giác).*

Kinh Viên Giác là Tiểu Lăng Nghiêm, tánh chất rất gần với kinh Lăng Nghiêm. Viên có nghĩa là viên mãn, Giác là giác ngộ; đại triệt đại ngộ thì gọi là Viên Giác. Kinh Viên Giác có nói niệm Phật hai mươi một ngày, đây cũng là định kỳ hạn cầu chứng đắc. Kinh Di Đà chỉ nói bảy ngày, “*hoặc một ngày, cho đến bảy ngày*”, kinh Viên Giác nói hai mươi một ngày. Đây là đa thất, nhưng gộp ba thất lại. Đủ thấy kinh luận đề xướng niệm Phật quả thật rất nhiều.

**(Sớ) Như ngũ bách trưởng giả tử, xưng thất Phật danh, toại đắc kiến kim sắc chi thân, thành A La Hán, thị Quán Phật Tam Muội nghĩa.**

**(疏) 如五百長者子，稱七佛名，遂得見金色之身，成阿羅漢，是觀佛三昧義。**

*(Sớ: Như năm trăm vị trưởng giả xưng niệm danh hiệu của bảy vị Phật liền được thân sắc vàng, thành A La Hán, đó là nghĩa lý trong kinh Quán Phật Tam Muội).*

Đây là nói tới kinh Quán Phật Tam Muội<sup>3</sup>, nói về pháp môn Niệm Phật, đặc biệt nhấn mạnh tu hành Chánh Định. Kinh có nói “*năm trăm vị*

---

<sup>3</sup> Kinh này có tên gọi đầy đủ Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh do ngài Trúc Tam Tạng Phật Đà Bạt Đà La dịch vào thời Đông Tấn, gồm mười quyển, sáu phẩm, nội dung nói đến những tướng hảo của đức Phật và cách quán tưởng. So với cách quán tưởng của Quán Kinh, kinh này phức tạp hơn rất nhiều, xin trích một đoạn như sau: “*Phật bảo phụ vương: - Thế nào là quán tướng quang minh giữa hai mày của Như Lai? Nay đức Như Lai vì các chúng sanh trong đời sau mà hiện chút tướng quang minh nơi bạch hào. Quang minh ấy chia làm tám vạn bốn ngàn nhánh, cũng có tám vạn bốn ngàn màu, chiếu trọn khắp mười phương vô lượng thế giới, mỗi màu hóa ra một quả núi bằng vàng. Mỗi núi vàng có vô lượng hang báu. Trong mỗi hang báu có một hóa Phật ngồi xếp bằng nhập Thiền Định sâu, có Thanh Văn, Bồ Tát trăm ngàn đại chúng làm quyến thuộc. Khi ấy, trong hang Phật đó có các hóa Phật, đều phóng tướng quang minh đại nhân nơi bạch hào, cũng chiếu mười phương vô lượng thế giới [khiến các thế giới ấy] đều như sắc vàng ròng. Trên đất sắc vàng có hoa sen vàng. Trên mỗi hoa sen vàng đều có hóa Phật, cũng có cùng hiệu là Thích Ca Văn (Thích Ca Mâu Ni). Giữa chặng mày của chư Phật cũng phóng quang minh này, chiếu trọn*

*trưởng giả*”<sup>4</sup> cũng tu pháp môn Niệm Phật. Niệm Phật bèn thấy Phật, thấy Phật thì sao? Chứng quả! Đều chứng quả A La Hán, quý vị mới hiểu công đức niệm Phật. Như thế nào mới chứng quả A La Hán? Đoạn hết Kiến Tư phiền não, họ dùng phương pháp Niệm Phật để đoạn hết Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não đã đoạn, vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà là sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đủ thấy xưng danh niệm Phật chẳng phải là Tán Thiện. Tán Thiện chẳng có công phu ấy, chẳng thể đạt thành tựu như vậy. Niệm Phật có thể chứng quả A La Hán, đủ thấy một câu Phật hiệu là Định Thiện, chẳng phải là Tán Thiện. Thật ra, Định Thiện hay Tán Thiện là do tâm mỗi người, chứ không do phương pháp. Tâm quý vị tán loạn niệm Phật thì là Tán Thiện, nhất tâm niệm Phật thì là Định Thiện.

**(Sớ) Như Bồ Tát lục niệm, niệm Phật đệ nhất.**

**(疏) 如菩薩六念，念佛第一。**

*(Sớ: Như trong sáu niệm của Bồ Tát, niệm Phật đứng đầu).*

Toàn bộ Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật đều nói tới Lục Niệm. Bồ Tát phải tu Lục Niệm; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là niệm Tam Bảo. Trong khóa tụng sáng tối, chúng ta có Tam Quy Y, tức là niệm Tam Bảo. Trừ Tam Bảo ra, còn phải niệm ba chuyện nữa! Niệm Thí là bố thí, niệm Giới là nghĩ tới giới luật, nhất định phải trì giới, niệm Thiên, chư thiên phước báo lớn nhất, chuẩn mực đạo đức của chư thiên rất cao. Vì thế, Bồ Tát phải niệm sáu chuyện này. Niệm Tam Bảo, chúng ta thường nói là niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh, Giác - Chánh - Tịnh. Niệm Thí, Thí là buông xuống, thường phải nghĩ buông xuống. Niệm Giới: Do Giới mới có thể đắc Định, do Định mới có thể khai Huệ, đó là cội rễ to lớn của

---

*khắp mười phương thế giới, giống như trăm ngàn ức Tu Di Sơn Vương hợp lại một chỗ. Các Tu Di Sơn Vương hiện bóng chư Phật, thân Phật cao rõ, bằng với núi Tu Di. Nơi bạch hào của các vị hóa Phật ấy cũng phóng quang nhiều khắp chư Phật bảy vòng xong, đều nhập vào giữa hai mày của Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi quang minh ấy nhập vào [tướng bạch hào giữa hai mày], nơi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật đều có một hóa Phật, trong mỗi lỗ chân lông của mỗi vị hóa Phật ấy đều hóa ra tám vạn bốn ngàn hình tượng nhiệm mầu, đều là những chuyện mà hết thấy chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới hiếm khi được thấy”.*

<sup>4</sup> Chữ “*trưởng giả tử*” thường được dịch là con ông trưởng giả, nhưng theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ Tử ở đây không phải là con mà là cách xưng hô bày tỏ sự kính trọng giống như chữ Tử trong Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử v.v... (xin xem chi tiết trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký).

Tam Học. Niệm Thiên, phải nâng cao cảnh giới của chính mình. Vì thế, tâm phải đặt yên trong sáu cảnh giới. Có thể nói Lục Niệm đều là Tự mà cũng đều là Tha. Nói Tha thì Tam Bảo là Trụ Trì Tam Bảo, nói Tự thì là Tự Tánh Tam Bảo.

Ba điều cuối cùng, Bồ Thí, Trì Giới là nhân hạnh (hạnh trong khi tu nhân) để chính mình tu Bồ Tát Hạnh, sanh lên trời là quả báo. Giới là đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Chữ Thiên không chỉ có nghĩa là “*sanh thiên*” (tức các vị trời do quả báo mà mang thân chư thiên, nên gọi là sanh thiên. Tam giới có hai mươi tám tầng trời). Thiên trong kinh Phật có rất nhiều ý nghĩa, trừ hai mươi tám tầng trời ra, còn có Nghĩa Thiên và Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Đệ Nhất Nghĩa Thiên là biệt hiệu của quả địa Như Lai. Đây là nói “*Bồ Tát lục niệm, niệm Phật đệ nhất*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!